

Số: **339** /QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **17** tháng **02** năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ủy quyền thực hiện thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ kết quả đánh giá năng lực thực tế tổ chức đăng ký chỉ định chứng nhận hợp quy tại Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1 thực hiện việc chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Danh sách chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Địa chỉ tổ chức: Tầng 9, toà nhà Bộ Công Thương, số 655, đường Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8689262; Fax: 0243.868.9257.

Email: [kdcn1@kiemdinhh.gov.vn](mailto:kdcn1@kiemdinhh.gov.vn).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 05/9/2029.

**Điều 3.** Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1 có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Trung tâm Kiểm định công nghiệp 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KH-CN (để b/c);
- Sở LĐTBXH tp Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

**TUQ. BỘ TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG**



**Hà Tất Thắng**

# **DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số **339**/QĐ-BLĐTBXH ngày **17** / **02** /2025 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

| TT | Tên sản phẩm hàng hóa                                                                                                                                                 | Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia                | Theo phương thức |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar)                                                          | QCVN 01:2008/BLĐTBXH                           | 1,7,8            |
| 2  | Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)                                                                        | QCVN 01:2008/BLĐTBXH                           | 1,7,8            |
| 3  | Chai chứa khí nén có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar (trừ chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng)                                                                       | QCVN 01:2008/BLĐTBXH                           | 1,5,7,8          |
| 4  | Bình, bồn, bể, xi téc có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 (trừ thiết bị đặc thù chuyên ngành công nghiệp) | QCVN 01:2008/BLĐTBXH                           | 1,7,8            |
| 5  | Hệ thống lạnh các loại                                                                                                                                                | QCVN 21:2015/BLĐTBXH                           | 1,7,8            |
| 6  | Cần trục các loại                                                                                                                                                     | QCVN 07:2012/BLĐTBXH;<br>QCVN 29:2016/BLĐTBXH. | 1,7,8            |
| 7  | Cầu trục và cổng trục                                                                                                                                                 | QCVN 07:2012/BLĐTBXH;<br>QCVN 30:2016/BLĐTBXH. | 1,7,8            |
| 8  | Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng từ 1.000 kg trở lên; Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải; Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên                      | QCVN 13:2013/BLĐTBXH;<br>QCVN 07:2012/BLĐTBXH. | 1,7,8            |
| 9  | Thang máy; các bộ phận an toàn                                                                                                                                        | QCVN:02/2019/BLĐTBXH                           | 1,7,8            |

| TT | Tên sản phẩm hàng hóa                                                                                                                                                                                                          | Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia                                         | Theo phương thức |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|
|    | thang máy như sau:<br>- Thiết bị khóa cửa tầng và khóa cửa cabin;<br>- Bộ hãm an toàn;<br>- Hệ thống phanh của máy dẫn động;<br>- Bộ khống chế vượt tốc;<br>- Bộ giảm chấn;<br>- Van ngắt/van một chiều của thang máy thủy lực | QCVN 18:2013/BLĐTBXH<br>QCVN 26:2016/BLĐTBXH<br>QCVN 32:2018/BLĐTBXH    |                  |
| 10 | Thang cuốn và băng tải chở người; các bộ phận an toàn của thang cuốn bao gồm:<br>- Hệ thống phanh điều khiển, dừng thang hoặc băng;<br>- Hệ thống hãm an toàn;<br>- Máy kéo (động cơ, hộp số)                                  | QCVN 11:2012/BLĐTBXH.                                                   | 1,7,8            |
| 11 | Vận thăng                                                                                                                                                                                                                      | QCVN 16:2013/LĐTBXH.                                                    | 1,7,8            |
| 12 | Bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người                                                                                                                                                                                          | QCVN 07:2012/BLĐTBXH;<br>QCVN 20:2015/BLĐTBXH;<br>QCVN 12/2013/BLĐTBXH; | 1,7,8            |
| 13 | Dây đai an toàn và hệ thống chống rơi ngã cá nhân                                                                                                                                                                              | QCVN 23:2014/BLĐTBXH.                                                   | 1,7,8            |